

(Đề có 4 trang)

Họ tên : Lớp :

Mã đề 123

Câu 41: Phát biểu nào sau đây **đúng** với ngành công nghiệp của nước ta hiện nay?

- A. chỉ có chế biến. B. còn thô sơ.
C. rất ít sản phẩm. D. thu hút nhiều đầu tư.

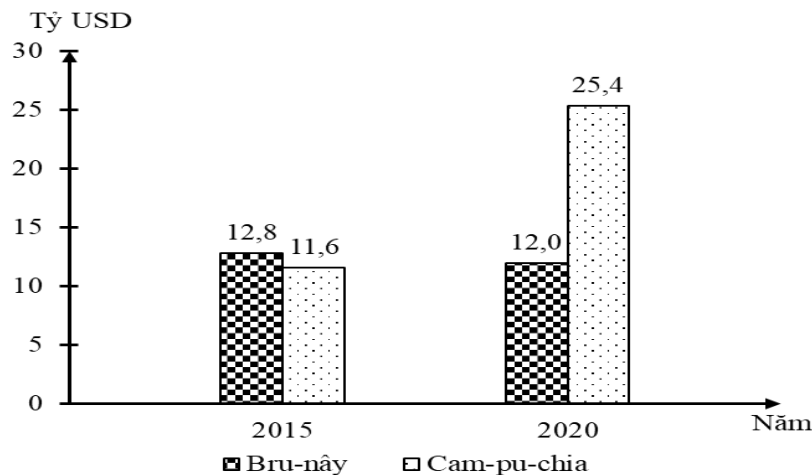
Câu 42: Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về

- A. điện nguyên tử. B. điện mặt trời. C. nhiệt điện. D. điện gió.

Câu 43: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng cường thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ khai thác.
B. nâng cấp cơ sở hạ tầng, bảo vệ và phát triển vốn rừng.
C. đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành.
D. đẩy mạnh việc thăm dò khoáng sản, đào tạo nhân lực.

Câu 44: Cho biểu đồ:



TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA BRU-NÂY VÀ CAM-PU-CHIA NĂM 2015 VÀ 2020
(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về GDP của Bru-nây và Cam-pu-chia?

- A. Cam-pu-chia luôn cao hơn Bru-nây. B. Cam-pu-chia giảm, Bru-nây tăng.
C. Bru-nây luôn cao hơn Cam-pu-chia. D. Bru-nây giảm, Cam-pu-chia tăng.

Câu 45: Các trung tâm công nghiệp nước ta hiện nay

- A. có cơ cấu ngành hiện đại. B. phân bố không đồng đều.
C. chủ yếu có quy mô lớn. D. tập trung ở miền núi.

Câu 46: Vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm đứng đầu cả nước là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đông Nam Bộ.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang giao thông, cho biết cảng biển nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Dung Quất. B. Vũng Áng. C. Chân Mây. D. Thuận An.

Câu 48: Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

- A. ưu tiên các sản phẩm cạnh tranh thấp. B. số lượng ngành còn kém đa dạng.
C. nổi lên một số ngành trọng điểm. D. giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

Câu 49: Du lịch nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

- A. hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển. B. hoàn thiện hạ tầng, mở rộng nhiều thị trường.
C. mức sống nâng cao, nhiều dịch vụ thuận tiện. D. đổi mới chính sách, khai thác tốt tài nguyên.

Câu 50: Giải pháp chủ yếu phát triển cây công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. đẩy mạnh chuyên môn hóa, tăng sản lượng, ứng dụng kỹ thuật mới.
- B. tăng sự liên kết, phát triển thị trường, đẩy mạnh sản xuất thâm canh.
- C. tăng diện tích, sử dụng tiến bộ kỹ thuật, gắn với chế biến và dịch vụ.
- D. mở rộng vùng chuyên canh, tăng năng suất, sử dụng nhiều máy móc.

Câu 51: Cây công nghiệp hàng năm ở nước ta hiện nay

- A. được trồng nhiều ở các đồng bằng.
- B. mang lại giá trị xuất khẩu rất lớn.
- C. chủ yếu là có nguồn gốc cận nhiệt.
- D. tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ.

Câu 52: Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nhiều lao động kỹ thuật, công nghệ hiện đại.
- B. nguyên liệu dồi dào, sức mua nội vùng lớn.
- C. vùng trọng điểm lúa lớn, lao động dồi dào.
- D. thị trường tiêu thụ lớn, đô thị hóa khá nhanh.

Câu 53: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn miền núi.
- B. khai thác thế mạnh tự nhiên, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ sản xuất.
- C. thu hút lao động, tạo ra tập quán sản xuất mới cho dân tộc ít người.
- D. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa, giải quyết việc làm.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang thương mại, hãy cho biết mặt hàng có tỉ trọng giá trị nhập khẩu *lớn nhất* của nước ta năm 2007 là

- A. hàng tiêu dùng.
- B. nguyên, nhiên, vật liệu.
- C. công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
- D. máy móc, thiết bị, phụ tùng.

Câu 55: Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015-2019

(Đơn vị: triệu đô la Mỹ)

Năm	2015	2017	2018	2019
Dầu thô	83,4	476,5	2 746,8	3 777,9
Hóa chất	3 133,6	4 122,9	5 164,7	5 128,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện **tốc độ tăng trưởng** trị giá một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015-2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Miền.
- C. Cột.
- D. Đường.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, hãy cho biết nơi nào sau đây là một điểm công nghiệp?

- A. Việt Trì.
- B. Hà Giang.
- C. Thái Nguyên.
- D. Huế.

Câu 57: Chăn nuôi của nước ta hiện nay

- A. đã đem lại hiệu quả sản xuất rất cao.
- B. hoàn toàn dùng thức ăn từ tự nhiên.
- C. chỉ phát triển ở khu vực đồng bằng.
- D. tạo ra được các sản phẩm hàng hóa.

Câu 58: Vùng nào ở nước ta có lợi thế nhất để phát triển ngành công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang thương mại, hãy cho biết Việt Nam có giá trị **xuất khẩu** hàng hóa trên 6 tỉ đô la Mỹ với quốc gia nào sau đây?

- A. Ôxtrâyliá.
- B. Trung Quốc.
- C. Hoa Kỳ.
- D. Liên bang Nga.

Câu 60: Biện pháp nào sau đây là chủ yếu để đẩy mạnh phát triển cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.
- B. Tập trung đầu tư, phát triển việc chế biến, mở rộng thị trường.
- C. Đào tạo và hỗ trợ việc làm, hạn chế tình trạng du canh du cư.
- D. Đa dạng cơ cấu cây trồng, tăng năng suất, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2013	2016	2019
Cây hàng năm	11214,3	1714,4	11798,6	1156,8
Cây lâu năm	2846,8	3078,1	3313,5	3546,4

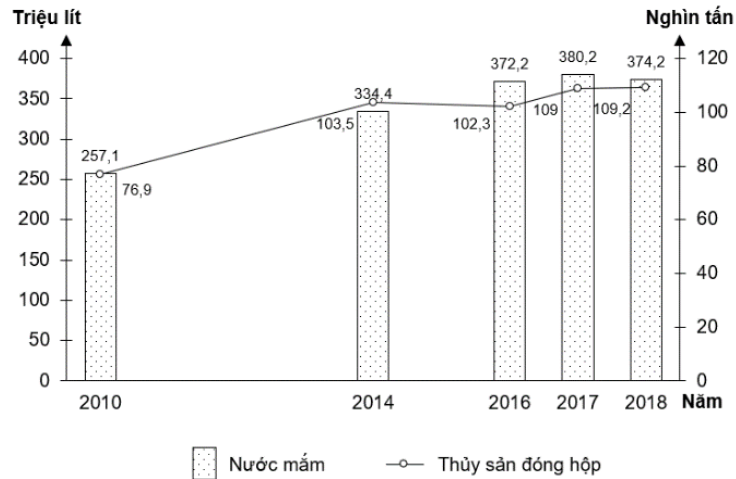
(Nguồn: Niên giám thông kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo kết quả xử lý bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Diện tích cây lâu năm tăng liên tục.
- B. Diện tích cây hàng năm tăng nhiều nhất là giai đoạn 2016-2019.
- C. Diện tích cây lâu năm tăng nhiều nhất là giai đoạn 2010-2013.
- D. Diện tích cây hàng năm giảm liên tục.

Câu 62: Cho biểu đồ:

Nước mắm và thủy sản đóng hộp của Việt Nam, giai đoạn 2010 - 2018



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu sản lượng nước mắm và thủy sản đóng hộp.
 - B. Cơ cấu sản lượng nước mắm và thủy sản đóng hộp.
 - C. Tốc độ tăng sản lượng nước mắm và thủy sản đóng hộp.
 - D. Sản lượng nước mắm và thủy sản đóng hộp.
- Câu 63:** Thế mạnh chủ yếu để phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Hồng là
- A. vị trí thuận lợi, dân đông, nhiều đô thị, kinh tế phát triển.
 - B. nhiều tài nguyên du lịch, mức sống dân cư tăng, cơ sở hạ tầng tốt.
 - C. lao động có trình độ, giao thông đông bộ, tài nguyên phong phú.
 - D. địa hình đa dạng, khí hậu phân hóa theo mùa, nhiều di tích, lễ hội.

Câu 64: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang các ngành công nghiệp trọng điểm, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Long Xuyên, Cần Thơ.
 - B. Sóc Trăng, Rạch Giá.
 - C. Cà Mau, Rạch Giá.
 - D. Cà Mau, Cần Thơ.
- Câu 65:** Để đạt trình độ hiện đại ngang tầm các nước khu vực, ngành bưu chính cần phát triển theo hướng

- A. đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh.
 - B. tiến hành cổ phần hóa toàn bộ.
 - C. tin học hóa và tự động hóa.
 - D. giảm số lượng lao động thủ công.
- Câu 66:** Sản xuất lúa gạo ở nước ta hiện nay
- A. chỉ phục vụ trong nước.
 - B. hoàn toàn theo hình thức gia đình.
 - C. chỉ tập trung ở khu vực đồng bằng.
 - D. năng suất tăng mạnh.

Câu 67: Khó khăn lớn nhất trong việc phát triển cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

- A. công nghiệp chế biến còn nhiều hạn chế.
- B. thị trường tiêu thụ có nhiều biến động.
- C. trình độ lao động chưa đáp ứng yêu cầu.
- D. khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư thấp.

Câu 68: Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. cải tạo các đồng cỏ, đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng thương hiệu.

- B. đẩy mạnh lai tạo giống, đảm bảo nguồn thức ăn, phòng chống dịch.
 C. chăn nuôi theo hướng tập trung, đảm bảo tốt chuồng trại, thức ăn.
 D. phát triển trang trại, đảm bảo nguồn thức ăn, đẩy mạnh chế biến.
- Câu 69:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?
 A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Thanh Hoá. D. Nghệ An.
- Câu 70:** Đồng bằng sông Hồng cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, nguyên nhân chủ yếu là do
 A. phát huy thế mạnh, khắc phục hạn chế và nâng cao vị thế của vùng.
 B. yêu cầu của công cuộc đổi mới, mật độ dân số cao, vốn đầu tư lớn.
 C. đảm nhận vai trò chủ yếu trong xuất khẩu hàng hóa, nguồn vốn lớn.
 D. do lực lượng lao động đông đảo và tiếp giáp nhiều vùng kinh tế.
- Câu 71:** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
 A. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.
 B. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá.
 C. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
 D. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- Câu 72:** Ngành công nghiệp chế biến thủy sản nước ta tập trung chủ yếu ở
 A. các vùng nguyên liệu. B. các đô thị lớn.
 C. cảng biển lớn. D. các khu vực đông dân.
- Câu 73:** Hướng chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
 A. hiện đại hóa công nghiệp chế biến, nâng cấp cơ sở hạ tầng.
 B. khai thác tốt các thế mạnh tự nhiên, mở rộng thị trường.
 C. thúc đẩy công nghiệp hóa, sử dụng công nghệ tiên tiến.
 D. hiện đại hóa công nghiệp, sử dụng hiệu quả các thế mạnh.
- Câu 74:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích cây công nghiệp hàng năm **lớn nhất** trong các tỉnh sau?
 A. Bình Thuận. B. Đắk Nông. C. Lâm Đồng. D. Tây Ninh.
- Câu 75:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng gia cầm trên 9 triệu con?
 A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.
- Câu 76:** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là
 A. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
 B. đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với nước ngoài.
 C. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
 D. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
- Câu 77:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp Thanh Hóa **không** có ngành sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây?
 A. Da, giày. B. Gỗ, giấy, xenlulô.
 C. Giấy, in, văn phòng phẩm. D. Dệt, may.
- Câu 78:** Khu vực nào sau đây ở nước ta có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất?
 A. Dọc Duyên hải miền Trung. B. Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.
 C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.
- Câu 79:** Nguồn nhiên liệu chủ yếu của các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc là
 A. than. B. dầu. C. khí đốt. D. củi, gỗ.
- Câu 80:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết những trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất gỗ, giấy, xenlulô?
 A. Pleiku. B. Hòa Bình. C. Sóc Trăng. D. Phú Lí.

----- HẾT -----

Phân đáp án câu trắc nghiệm:

Mã đề Câu	123	234	345	456
41	D	C	C	C
42	C	D	C	D
43	A	C	D	A
44	D	C	A	B
45	B	A	D	C
46	C	C	C	B
47	A	C	C	A
48	C	B	B	B
49	D	B	A	D
50	C	B	A	C
51	A	D	D	C
52	B	B	D	D
53	D	C	C	B
54	B	C	A	A
55	D	C	A	A
56	B	A	B	A
57	D	C	C	D
58	B	B	B	B
59	C	A	A	C
60	B	C	B	D
61	A	A	B	B
62	D	A	A	B
63	B	A	C	D
64	D	D	B	D
65	C	A	A	B
66	D	C	C	D
67	B	C	C	B
68	D	D	B	D
69	A	A	B	C
70	A	C	B	D
71	A	A	B	C
72	A	D	C	B
73	D	C	D	C
74	D	C	A	D
75	B	C	C	D
76	D	A	A	B
77	D	B	A	B
78	B	D	C	A
79	A	B	B	A
80	A	B	D	D